

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - VIETINBANKSC**

VIETNAM BANK FOR INDUSTRY AND TRADE SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

2012

Hà Nội, tháng 2 năm 2013

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông tin chung

- 04 Thông tin khái quát
- 05 Quá trình hình thành và phát triển
- 06 Lĩnh vực kinh doanh chính – Mô hình quản trị
- 07 Định hướng phát triển
- 08 Các rủi ro

Tình hình hoạt động 2012

- 10 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 18 Tổ chức và nhân sự - Ban điều hành
- 23 Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính
- 25 Cơ cấu cổ đông

Báo cáo và đánh giá Ban Điều hành

Báo cáo Hội đồng quản trị

Quản trị Công ty

- 36 Hội đồng quản trị
- 41 Ban Kiểm soát
- 42 Báo cáo Ban Kiểm soát
- 45 Thù lao HĐQT và BKS

Báo cáo tài chính 2012

- 48 Bảng Cân đối kế toán
 - 52 Báo cáo Kết quả kinh doanh
 - 53 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
 - 56 Thuyết minh Báo cáo Tài chính
-



“Tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới cung cấp cho khách hàng nhiều dịch vụ chuyên nghiệp”

Thưa các Quý vị,

Năm 2012, kinh tế Việt Nam tiếp tục trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn trong bối cảnh kinh tế thế giới với nhiều bất ổn liên quan đến cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu và những tín hiệu tăng trưởng chậm, tỷ lệ thất nghiệp đứng ở mức cao của nền kinh tế Mỹ, sự giảm nhiệt trong tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc... đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam. Năm 2012 là năm kinh tế Việt chịu hệ quả sau một thời gian dài đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao, thâm hụt thương mại gia tăng, lãi suất tăng nhanh làm cho chi phí sản xuất kinh doanh rất cao..., đặc biệt là vấn đề lạm phát dẫn đến việc Chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, dòng tiền vào nền kinh tế nói chung và thị trường Chứng khoán nói riêng bị kiểm soát chặt chẽ đã ảnh hưởng rất lớn tới doanh nghiệp và thị trường chứng khoán. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, hàng tồn kho tăng cao, không trả được nợ vay ngân hàng...

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2012 cũng chịu tác động không nhỏ của kinh tế vĩ mô, biến động mạnh và rất thất thường do gặp nhiều cú sốc khiến cho mức thanh khoản của thị trường rất thấp và kéo dài. Trong năm 2012, mặc dù chỉ số VNIndex tăng so với đầu năm và chỉ số HNX Index giảm không nhiều so với đầu năm nhưng hầu hết giá của các mã chứng khoán trên 2 sàn đã giảm sâu so với đầu năm, đặc biệt là các mã thuộc các lĩnh vực như chứng khoán, bất động sản, vật liệu xây dựng... với mức giảm lên đến 30-40%. Trước diễn biến xấu của thị trường, đa số các nhà tham gia thị trường bị thua lỗ nặng và nhiều nhà đầu tư phải rời bỏ thị trường.

Đối với các công ty chứng khoán, nhìn chung các khoản đầu tư tự doanh đều gây thua lỗ, giá trị giao dịch giảm sâu làm cho doanh thu phí môi giới rất thấp, nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp không đáng kể không phát hành được chứng khoán ra thị trường, việc niêm yết bị hoãn lại thậm chí phải hủy bỏ... đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của

các công ty chứng khoán. Kết thúc năm 2012 nhiều công ty chứng khoán bị thua lỗ, có 1 số Công ty âm gần hết vốn chủ sở hữu, 1 số công ty bị rút giấy phép kinh doanh, thậm chí phá sản...

Với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc), năm 2012 là một năm thành công. VietinBankSc nhận định năm 2012 sẽ là một năm nhiều khó khăn nên đã định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty là không mở rộng hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết, tập trung phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, kết hợp với việc sử dụng nguồn vốn. Do vậy, năm 2012 VietinBankSc đã đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn, phát triển tốt các dịch vụ chính. Trong đó, kết quả nổi bật là nghiệp vụ môi giới. Năm 2012 đánh dấu bước ngoặt trong nghiệp vụ môi giới, thị phần tăng mạnh, đạt 2,7% tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn, Quý 4 đứng vị trí thứ 2 tại sàn Hà Nội.

Công tác quản trị, điều hành, cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động tiếp tục được hoàn thiện và đổi mới. Đồng thời với việc tăng cường tính thực thi và hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, VietinBankSc tiếp tục kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ, đồng thời đẩy mạnh đầu tư công nghệ, phát triển các phần mềm hỗ trợ môi giới đặt lệnh, hạn chế tối đa rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giao dịch. Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên, liên tục... Kết quả đạt được của VietinBankSc là 96 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, nằm trong top 5 các Công ty Chứng khoán kinh doanh có lãi trên thị trường.

Bước sang năm 2013, VietinBankSc cam kết sẽ tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục

vụ, hướng tới cung cấp cho khách hàng nhiều dịch vụ chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đầu tư của khách hàng, tăng cường quản trị rủi ro để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tối ưu để đem lại giá trị gia tăng cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời cảm ơn trân trọng tới các cơ quan quản lý, các khách hàng và đối tác đã luôn quan tâm, ủng hộ và sử dụng dịch vụ của VietinBankSc. Tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới quý vị cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng với hoạt động của VietinBankSc. Sự quan tâm và đồng hành của các cơ quan quản lý, khách hàng và quý vị cổ đông sẽ là tiền đề để Công ty có được sức bật tốt trong năm 2013 tới, gia tăng giá trị cho cổ đông, khách hàng và xã hội. Chúng tôi tin tưởng rằng, với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao, chiến lược kinh doanh phù hợp, VietinBankSc tự tin có đủ khả năng cạnh tranh với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp để tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

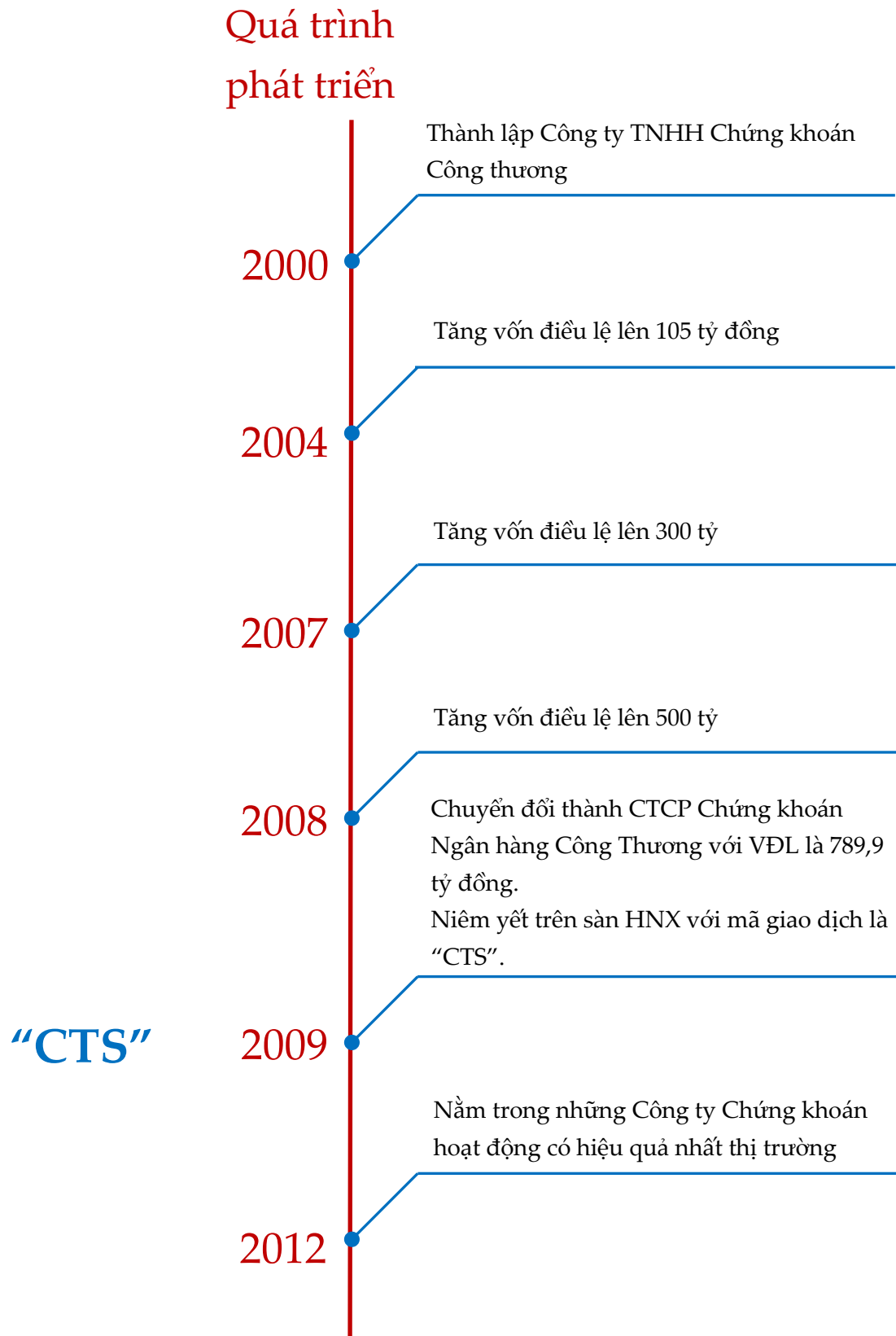
Trân trọng cảm ơn!

Đỗ Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBankSc
Mã CK:	CTS
Địa chỉ:	306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại:	04. 3556 2875
Fax:	04. 3556 2874
GP thành lập và hoạt động:	Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/7/2009, giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 29/2/2012
Website:	www.vietinbanksc.com.vn
Vốn điều lệ:	789,9 tỷ đồng





Với bề dày kinh nghiệm của một trong 07 công ty hoạt động đầu tiên trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã được khách hàng tin cậy đánh giá là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán. Hiện tại VietinBankSc có 1 trụ sở chính đặt tại Hà Nội và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Dịch vụ của VietinBankSc luôn dựa trên nền tảng của tính chuyên nghiệp, trung thực và bảo mật, bao gồm các hoạt động sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Quản lý tài sản của nhà đầu tư cá nhân
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Mô hình quản trị Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

VietinBankSc đặt mục tiêu CTCK uy tín hàng đầu

- Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. Trong suốt hơn 12 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc) đã và đang trở thành định chế tài chính vững mạnh, hoạt động chính trong lĩnh vực chứng khoán. Công ty luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đưa vào thị trường những sản phẩm ưu việt hơn để phục vụ và thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh thông qua việc đầu tư góp vốn trong vào quỹ đầu tư, bất động sản... nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng và cổ đông.
- Xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VietinBankSc cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường.
- Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh, đem lại lợi ích cho cổ đông và khách hàng, với mong muốn được làm những điều tốt đẹp cho xã hội, VietinBankSc đã và sẽ tiếp tục đồng hành cùng với những chương trình từ thiện như hiến máu nhân đạo, tổ chức các chuyến đi từ thiện nhằm mang tấm lòng và sự hào tâm đến với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn ở khắp mọi miền cả nước.
- Với những lợi thế sẵn có cùng với nỗ lực không ngừng nghỉ, VietinBankSc sẽ tiếp tục vươn lên, nằm trong nhóm số ít CTCK triển khai tất cả các nghiệp vụ mà pháp luật cho phép. Công ty phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận của các năm tiếp theo đạt trên 20% cũng như trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, trở thành một địa chỉ tin cậy cho các nhà đầu tư và khách hàng.

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Việc đầu tư cổ phiếu do đó sẽ chịu rủi ro lớn khi mà năm 2013 vẫn được dự báo là một năm biến động và đầy khó khăn đối với các công ty hoạt động tại Việt Nam. Chính vì vậy, Công ty luôn tập trung đầu tư vào những công ty có tiềm năng và những công ty có cơ bản tốt để giảm thiểu sự ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với tài khoản vay, phải thu. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam làm nhiệm vụ thanh toán bù trừ. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình thuyết minh IV.1 trang 13. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

4. Rủi ro Pháp luật

Là công ty hoạt động trong thị trường Chứng khoán còn non trẻ nơi mà hệ thống pháp luật liên quan đến thị trường Chứng khoán đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, VietinBankSc luôn nhận thức rõ ràng những rủi ro từ sự thay đổi của pháp luật đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác. Ngoài ra, Công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên cũng như tuyển dụng nhiều nhân lực có trình độ, hiểu biết sâu rộng về pháp luật. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Rủi ro hệ thống và vấn đề bảo mật thông tin của công ty cũng như của khách hàng là một trong những yếu tố sống còn đối với sự tồn tại, phát triển cũng như uy tín của các công ty Chứng khoán nói chung và của VietinBankSc nói riêng. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc quy trình về bảo mật thông tin, thường xuyên rà soát hệ thống nhằm tránh những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin như xuất hiện lỗ hổng bảo mật, virus hay sự tấn công của các hacker. Ban kiểm soát Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các phòng ban nhằm đảm bảo việc bảo mật thông tin và giảm thiểu, phòng tránh rủi ro hệ thống.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2012

Lợi nhuận trước thuế

TOP 5

Các Công ty chứng khoán niêm yết

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng	
	Năm 2012	
Doanh thu	175.699	
- Doanh thu môi giới	37.504	
- Doanh thu đầu tư góp vốn	66.428	
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	250	
- Doanh thu hoạt động tư vấn	14.334	
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.417	
- Doanh thu khác	52.765	
Lợi nhuận từ HĐKD	95.975	
Lợi nhuận khác	(23)	
Lợi nhuận trước thuế	95.952	
Lợi nhuận sau thuế	72.740	
Thị phần môi giới	2,7%	
ROE	8,3%	

Doanh thu

176 tỷ đồng

LNTT

96 tỷ đồng

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế nói chung và của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Mặc dù đã có 6 tháng đầu năm phát triển thuận lợi khi mà thị trường chứng khoán tăng vọt trong giai đoạn này nhờ những chính sách tích cực từ phía các nhà quản lý. Tuy nhiên, nửa sau của năm, sự tác động tiêu cực từ diễn biến không mấy tích cực của kinh tế vĩ mô và sự ảm đạm của kinh tế thế giới đã tác động mạnh đến thị trường chứng khoán, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán trên thị trường. Một loạt công ty chứng khoán bị đặt vào diện kiểm soát đặc biệt, bị đình chỉ hay bị thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh đầy khó khăn của thị trường như vậy, VietinBankSc – với những dự báo và nhận định thị trường khá chính xác – đã có một năm hoạt động kinh doanh tương đối thành công và đạt được một số thành tựu nhất định:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% tăng giảm
Doanh thu	164,3	175,7	6,9%
Chi phí	78,3	79,7	1,8%
Lợi nhuận trước thuế	86,0	96,0	11,6%

- ✓ So với kế hoạch đã đề ra, tổng doanh thu của công ty đạt 176 tỷ đồng tăng 6,94% so với kế hoạch. Trong khi đó, tổng chi phí chỉ tăng cao hơn 1,82% so với kế hoạch nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trưởng của doanh thu. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt xấp xỉ 96 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2011 – **trở thành một trong 5 công ty chứng khoán niêm yết có mức lợi nhuận cao nhất.**
- ✓ Trong năm 2012 Công ty chiếm thị phần môi giới lớn trên thị trường khi thường xuyên lọt vào top 6 về thị phần môi giới trên sàn HNX và đạt mức thị phần chung là 2,7%.
- ✓ Là sự lựa chọn hàng đầu của các tổng công ty, tập đoàn lớn như Tập đoàn VinGroup, Tập đoàn Than và Khoáng sản, Tổng Công ty Thép, Tổng Công ty kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam, Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi... trong việc sử dụng các dịch vụ của Công ty.
- ✓ Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro được tăng cường từ khâu soạn thảo và ban hành quy trình quy chế đến giám sát thực hiện. Nhờ đó, mặc dù thị trường diễn biến phức tạp nhưng hoạt động của Công ty vẫn diễn ra an toàn.

Hoạt động Đầu tư và Bảo lãnh phát hành

Tổng quan

dịch vụ

Trải qua một năm đầy khó khăn, thách thức tuy nhiên với tầm nhìn chiến lược và sự nhạy bén của Ban Lãnh đạo Công ty trong việc nhanh chóng chuyển hướng hoạt động đầu tư, kinh doanh cùng sự năng động của đội ngũ nhân sự VietinBankSc đã giúp cho hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành tiếp tục giữ vững vai trò nòng cốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Với chiến lược giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, giao dịch kỳ hạn trái phiếu chính phủ, góp vốn, hoạt động kinh doanh nguồn vốn cùng việc đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành nhờ lợi thế từ Ngân hàng mẹ đã tiếp tục khẳng định là chiến lược đầu tư hợp lý, hiệu quả trong năm 2012 của VietinBankSc.

Kết quả hoạt động

Vững bước vượt qua một năm đầy khó khăn, thách thức nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý, an toàn, hiệu quả, năm 2012 hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh khá ấn tượng. Doanh thu từ hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành năm 2012 đạt 66,7 tỷ. Chỉ tiêu doanh thu của hoạt động tự doanh của Công ty không đạt kế hoạch do Công ty tăng tỷ trọng tiền gửi dẫn đến thu từ hoạt động tự doanh giảm nhưng thu từ lãi tiền gửi tăng mạnh so với kế hoạch đề ra. Về tổng thể nếu tính cả doanh thu từ lãi tiền gửi thì hoạt động tự doanh đã vượt chỉ tiêu doanh thu kế hoạch năm 2012. Trong khi hoạt động đầu tư tại hầu hết các công ty chứng khoán khác trên thị trường không mang lại hiệu quả thì kết quả từ hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành của VietinBankSc một lần nữa đã khẳng định chiến lược đầu tư kinh doanh hợp lý, an toàn, hiệu quả chính là chìa khóa tạo tiền đề giúp VietinBankSc từng bước khẳng định vị trí của mình trên thị trường chứng khoán.

Thành tựu nổi bật

Thành tựu nổi bật nhất của hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành trong năm 2012 chính là kết quả hoạt động và khả năng vượt khó. Vượt qua khó khăn thử thách để khẳng định vị trí trên thị trường bằng chiến lược kinh doanh hợp lý, bằng sức mạnh của cả tập thể và bằng kết quả kinh doanh hiệu quả trong năm 2012 đã tạo nên dấu ấn riêng mang tên VietinBankSc. Việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư nhanh chóng, hiệu quả, tập trung vào hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các hoạt động đầu tư, kinh doanh góp vốn khác cùng việc tận dụng tối đa lợi thế có được từ Ngân hàng mẹ để tạo ra các cơ hội đầu tư, kinh doanh hấp dẫn đã và đang tiếp tục là chiến lược tạo tiền đề và bước đi vững chắc cho VietinBankSc.

Chiến lược phát triển

Năm 2013 được đánh giá là năm bản lề cho những năm kế tiếp. Tuy nhiên, năm 2013 được dự đoán tiếp tục vẫn là một năm đầy khó khăn, thử thách với thị trường chứng khoán nói chung và VietinBankSc nói riêng. Với phương châm vượt qua khó khăn bằng nỗ lực, sự năng động, nhạy bén và đoàn kết, với mục tiêu bứt phá để khẳng định thương hiệu và vị trí trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã và đang xây dựng, triển khai chiến lược đầu tư kinh doanh an toàn, hiệu quả. Tiếp tục tập trung vào các hoạt động kinh doanh nguồn vốn, đầu tư trái phiếu và hoạt động bảo lãnh phát hành đồng thời tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường chứng khoán cũng như tìm kiếm các đối tác, doanh nghiệp có tiềm năng để tham gia đầu tư góp vốn là chiến lược kinh doanh chính của VietinBankSc trong năm 2013.

Hoạt động Môi giới

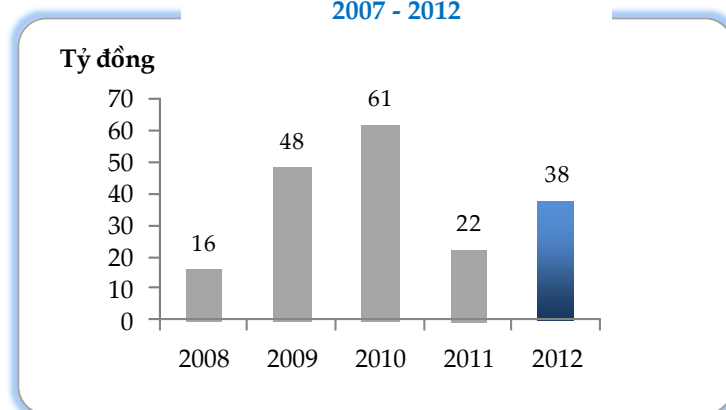
Tổng quan dịch vụ

Với hơn 12 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới chứng khoán với mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ nhân viên có trình độ, năng động, nhiệt tình, tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thường xuyên có các chính sách khách hàng linh hoạt, phù hợp.

Kết quả hoạt động

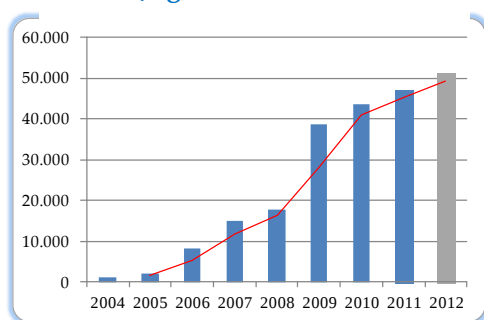
Năm 2012, doanh thu từ hoạt động môi giới đạt 37,5 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2011, trong khi thanh khoản của thị trường chứng khoán tăng 29%. Năm 2012, VietinBankSc đã tích cực thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ. Tất cả các sản phẩm trên thị trường chứng khoán được pháp luật công nhận đều được triển khai ở VietinBankSc để cung cấp cho nhà đầu tư.

Doanh thu hoạt động Môi giới
2007 - 2012



Thành tựu nổi bật

Số lượng tài khoản 2005 - 2011



- Tổng số tài khoản hiện tại là 51.518 tài khoản, tăng 5210 tài khoản so với năm 2011;
- Thị phần 2.7% toàn thị trường;
- Lần đầu tiên lọt vào Top 3 trong Quý I sàn HNX; Top 6 trong quý III sàn HSX; Top 2 trong quý IV sàn HNX.

Chiến lược phát triển

Hướng tới mục tiêu tiếp tục chiếm lĩnh top đầu thị phần môi giới trên thị trường, năm 2013 VietinBankSc tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng trên khắp cả nước, đưa dịch vụ chứng khoán đến với tất cả các tỉnh, thành phố trên khắp cả nước nhờ tận dụng mạng lưới các chi nhánh Ngân hàng Công thương.

Bên cạnh đó, VietinBankSc tiếp tục đẩy mạnh chiến lược hướng tới các khách hàng tổ chức trong nước với nhiều cơ chế ưu đãi linh hoạt, hấp dẫn là cơ sở để tăng trưởng doanh thu, thị phần môi giới trong giai đoạn sắp tới.

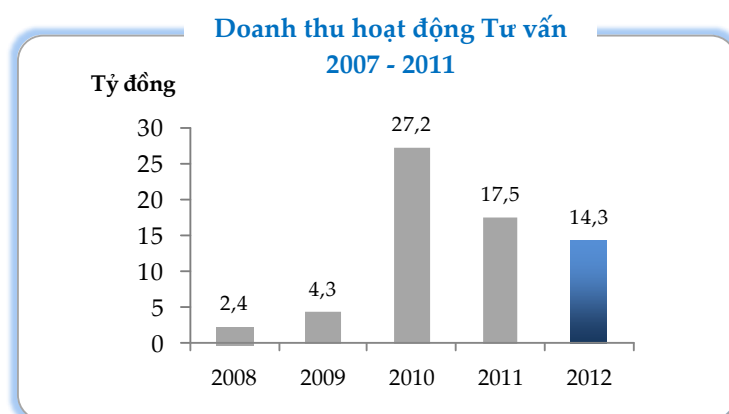
Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tổng quan dịch vụ

Đây là dịch vụ được VietinBankSc chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, đồng thời là hoạt động khẳng định thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trải qua 12 năm hoạt động và phát triển, với nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, am hiểu thị trường và pháp luật, VietinBankSc đã cung cấp trọn gói các loại hình dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp, bao gồm: dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành, niêm yết, thu xếp vốn, tái cấu trúc, M&A...

Kết quả hoạt động

Mặc dù trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2012 có nhiều biến động phức tạp và không thuận lợi, hoạt động Tư vấn Tài chính vẫn tạo ra sự khác biệt và đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan. Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2012 đạt 14,3 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động thu xếp vốn chiếm tỷ trọng hơn 90% tổng doanh thu tư vấn.



Thành tựu nổi bật

Mặc dù thị trường diễn biến bất lợi, tuy nhiên Phòng tư vấn TCDN đã nỗ lực hết sức để tìm kiếm các hợp đồng mới. Năm 2012 Phòng Tư vấn đã ký mới 44 hợp đồng tăng 64% so với số lượng hợp đồng ký mới năm 2011. Trong bối cảnh tốc độ Cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước diễn ra rất chậm chạp nhưng VietinBankSc đã được Các Tổng Công ty Nhà nước lớn tin tưởng lựa chọn là Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn như: Tổng Công ty kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Thép, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam, Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi,... Đặc biệt Phòng Tư vấn TCDN đã tư vấn phát hành thành công trái phiếu với khối lượng 3.721 tỷ đồng cho Tập đoàn Than Khoáng sản, Bitexco, CTCP Phát triển đô thị Nam Hà Nội.

Chiến lược phát triển

Chiến lược kinh doanh của mảng Tư vấn tài chính tập trung vào bốn mũi nhọn: (i) phát triển các nghiệp vụ truyền thống (ii) tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn, tham gia phát hành trái phiếu, (iii) cung cấp dịch vụ sắp xếp, đổi mới / tái cấu trúc và thoái vốn cho các Tổng Công ty, Tập đoàn Nhà nước và (iv) phát triển các nghiệp vụ có giá trị gia tăng cao như M&A.

Để thực hiện các chiến lược trên, Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp đã và đang triển khai các công tác sau: (i) tiếp xúc và phát triển quan hệ với các Tổng Công ty/Tập đoàn Kinh tế thông qua mạng lưới khách hàng của VietinBank, (ii) tuyển dụng các chuyên viên cao cấp với thu nhập cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của phòng và kế hoạch thâm nhập thị trường mới, (iii) Tham gia quá trình tái cấu trúc các doanh nghiệp, xử lý nợ xấu tại các doanh nghiệp mà Ngân hàng mẹ đã cung cấp tín dụng trong việc chuyển vốn vay thành vốn góp cổ phần tại các doanh nghiệp này. Đây sẽ là định hướng quan trọng của hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm 2013 và các năm tiếp theo.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

VietinBankSc có 5 thành viên trong Ban Điều hành bao gồm:

- | | | |
|---------------------------------|---|-------------------|
| 1. Ông Đỗ Linh Phương | – | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Bạch Nguyễn Vũ | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Thọ Phùng | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Minh Giang | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Bà Phan Hải Sâm | – | Kế toán trưởng |



Ông Phương đã có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính. Tại VietinBankSc, ông đã tham gia đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng Phòng Tự doanh & Bảo lãnh phát hành và Phó Tổng Giám đốc.

Ông là cử nhân kinh tế đối ngoại Đại học Ngoại thương

Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG

Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

Năm sinh: 1981



Ông BACH NGUYỄN VŨ

Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1977

Ông Vũ là một trong số những người tham gia Thị trường Chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000), Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTCK Hapaco.

Ông là thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.



Ông NGUYỄN THỌ PHÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1960

Ông Phùng đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các doanh nghiệp kinh doanh và tổ chức tài chính. Ông bắt đầu sự nghiệp trong lĩnh vực này vào năm 1981 tại Bộ Công Thương Việt Nam. Sau đó ông là Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên kiêm Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cung ứng Dịch vụ Hàng không - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Ông tham gia VietinBankSc với vị trí là Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp từ năm 2006-2008, là Phó Giám Đốc cho tới tháng 6 năm 2009 và hiện tại là Phó Tổng Giám đốc.

Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ.



Ông **NGUYỄN MINH GIANG**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trước khi là Phó Tổng Giám đốc, ông đã gắn bó nhiều năm với Ngân hàng Công Thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kinh doanh và Trưởng phòng kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Griggs Hoa kỳ và Cử nhân luật - Đại học Luật Hà Nội.



Bà **PHAN HẢI SÂM**

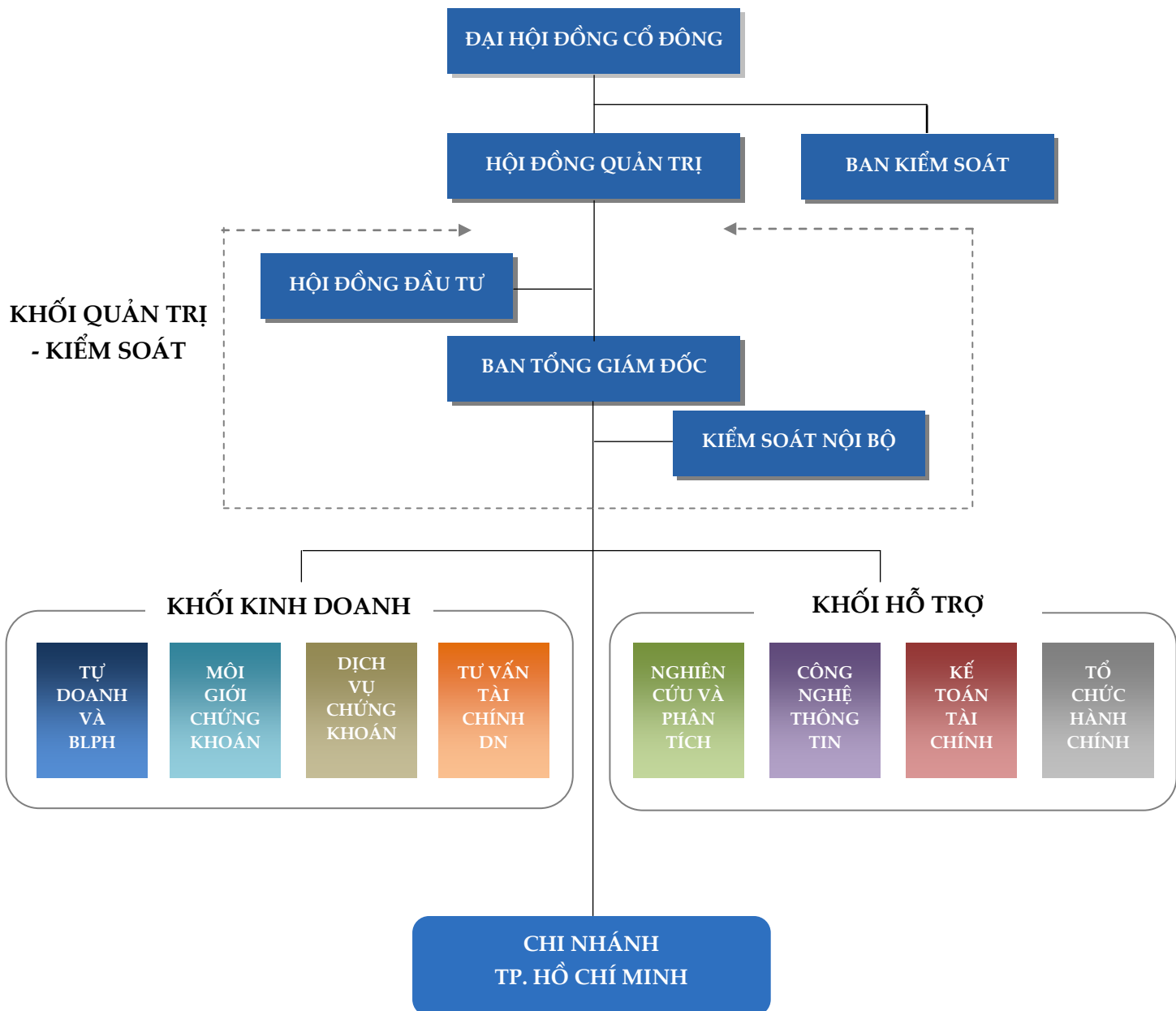
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1975

Trước khi là Kế toán trưởng, bà là thành viên gắn bó nhiều năm với Ngân hàng Công thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như phó trưởng phòng Thanh toán ngân quỹ, phó phòng chế độ kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Bà là Thạc sỹ Kinh tế.

Sơ đồ tổ chức



Số lượng cán bộ, nhân viên của VietinBankSc tại ngày 31/12/2012 là 124 CBNV

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay, để duy trì đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi cũng như thu hút thêm người tài, VietinBankSc không ngừng cải thiện môi trường làm việc cũng như chú trọng việc xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi hấp dẫn nhằm động viên người lao động gắn bó với Công ty, nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, nhờ đó đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Người lao động đã và đang được hưởng mức lương, thưởng tương ứng với sự đóng góp của từng cá nhân cho Công ty. Cụ thể, năm 2012, mức lương bình quân của cán bộ, nhân viên Công ty đạt 20, 5 triệu VNĐ/người/tháng – một mức lương hấp dẫn trong bối cảnh kinh doanh ảm đạm của năm 2012.

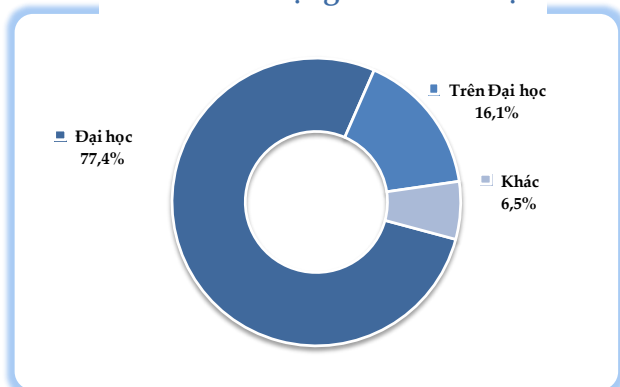
Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên; chính sách thai sản... cũng được Công ty chú trọng thực hiện nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động.

Phát triển nguồn nhân lực

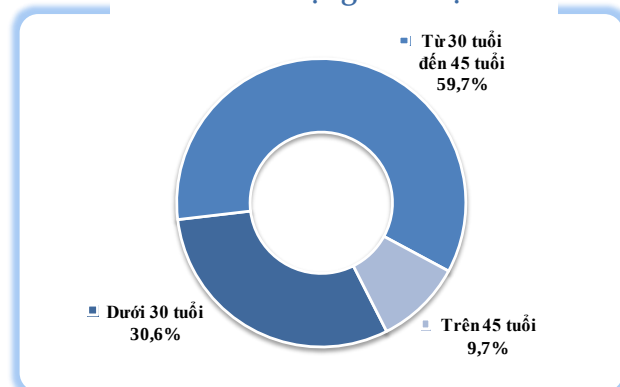
Để có thể xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình mở rộng mạng lưới cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt, VietinBankSc luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2012, VietinBankSc luôn chú trọng hoạt động đào tạo con người nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và làm hài lòng khách hàng. Các cán bộ của VietinBankSc đều được trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cả trong và ngoài nước.

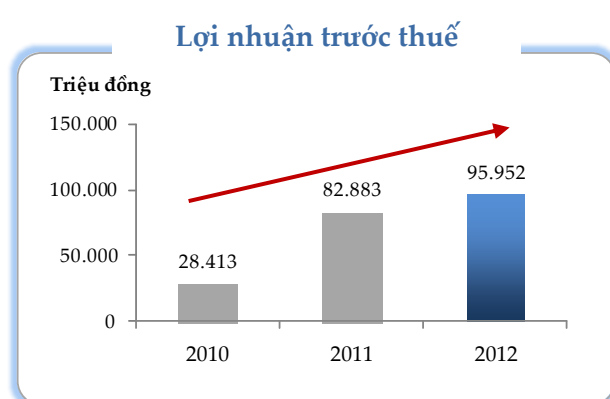
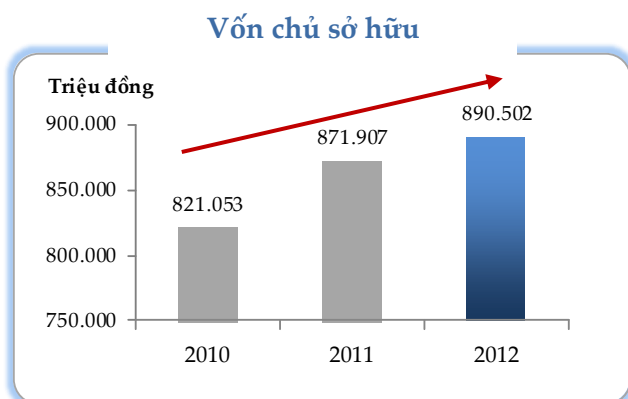
Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo độ tuổi

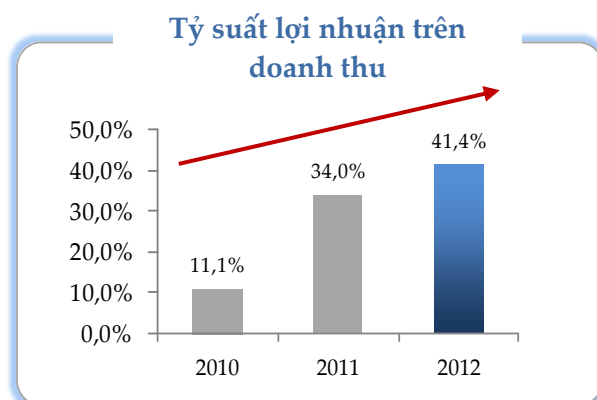
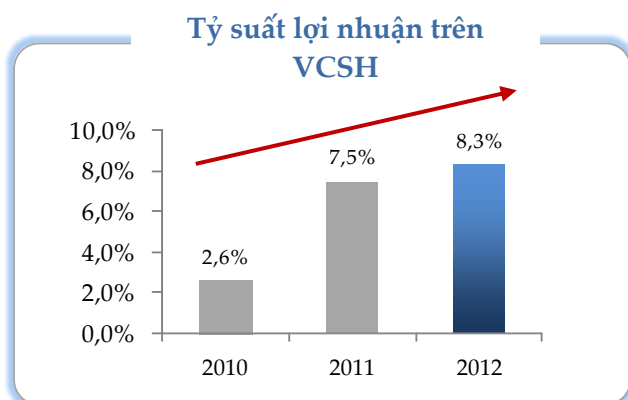


Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
	2011	2012	
Tổng giá trị tài sản	1.484.855	1.093.411	-26,4%
Doanh thu	188.021	175.699	-6,6%
- Doanh thu môi giới	22.295	37.504	68,2%
- Doanh thu đầu tư góp vốn	78.012	66.428	-14,8%
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	5.660	250	-95,6%
- Doanh thu hoạt động tư vấn	17.526	14.334	-18,2%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.120	4.417	41,6%
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	13	-	
- Doanh thu khác	61.395	52.765	-14,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	81.981	95.975	17,1%
Lợi nhuận khác	902	(23)	-102,5%
Lợi nhuận trước thuế	82.883	95.952	15,8%
Lợi nhuận sau thuế	63.893	72.740	13,8%



Chỉ tiêu	Năm	
	2011	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.03	4.19
Hệ số thanh toán nhanh	2.03	4.19
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.41	0.19
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.7	0.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho		
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.13	0.16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,34	0,41
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,075	0,083
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0,051	0,056

Thông tin cổ phần

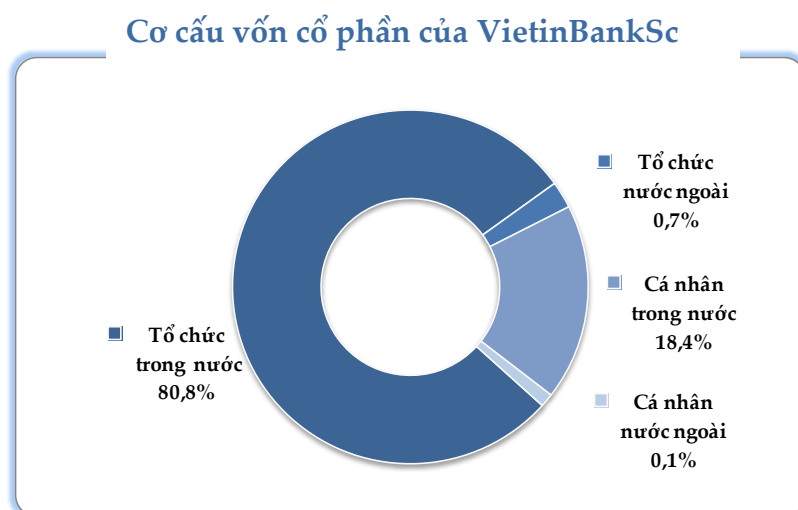
Vốn điều lệ của Công ty	:	789.934.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	77.703.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	1.290.000	cổ phiếu

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBankSc

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009	59.723.194	75,6%
Đại diện bởi:			
- Bà Đỗ Thị Thủy	010442664	31.597.360	40,0%
- Ông Vũ Trung Thành	011978123	23.698.020	30,0%
- Bà Phạm Thị Thanh Hoài	011877625	4.427.814	5,6%

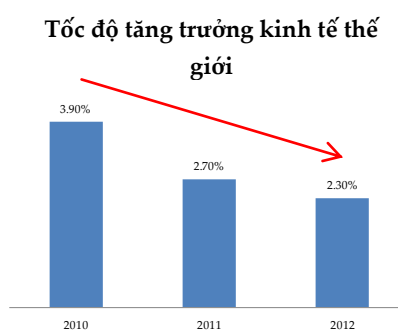
Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông 10/12/2012 như sau:



1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

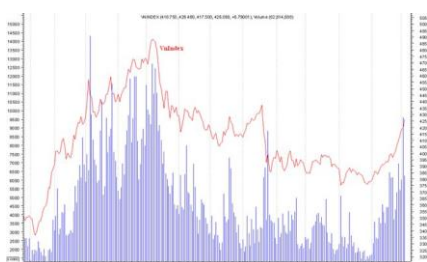
Đánh giá chung



▪ Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2012 tiếp tục những diễn biến bất lợi của năm 2011 và nhiều mặt bộc lộ những khó khăn gay gắt hơn do những bất ổn của kinh tế vĩ mô trong nước cũng như kinh tế thế giới. Vấn đề nợ công châu Âu diễn biến kéo dài và ngày càng phức tạp, nền kinh tế Trung quốc giảm tốc và Kinh tế Mỹ, Nhật vẫn chưa ra khỏi tình trạng khó khăn làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút so với dự báo đầu năm. Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2012 chỉ đạt khoảng 2,3% (năm 2011 là 2,7% và năm 2010 là 3,9%). Kinh tế trong nước tiếp tục bộc lộ những yếu kém đặc biệt là hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, tổng công ty nhà nước rất thấp, thua lỗ kéo dài, hiệu quả đầu tư công thấp, lĩnh vực tài chính ngân hàng gặp nhiều khó khăn khi nợ xấu tăng cao với tỷ lệ 8,86% trên tổng dư nợ trong khi đó tăng trưởng tín dụng đạt thấp, khoảng trên 8 % cả năm. Kết thúc năm 2012 tăng trưởng GDP đạt khoảng 5,03 % thấp hơn so với kế hoạch 6%, CPI cả năm 6,81 %.

▪ Các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn gay gắt trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy sản, chứng khoán, bảo hiểm... Nợ xấu, hàng tồn kho tăng cao là những rào cản gây khó khăn nghiêm trọng cho hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp đều sụt giảm mạnh so với năm 2012 trừ một số doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt như Vinamilk, Hóa chất và phân bón dầu khí...Số liệu cho thấy, năm 2012 có trên 50.000 doanh nghiệp giải thể, phá sản. Chỉ số quản trị người mua hàng liên tiếp trong 14 tháng kể từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012 luôn luôn dưới 50 điểm phản ánh những khó khăn kéo dài và nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp.

▪ Trong năm 2012, mặc dù thị trường chứng khoán rất khó khăn nhưng do nhận định và dự báo thị trường khá chính xác nên Công ty đã kịp thời điều chỉnh lại chiến lược hoạt động, giảm



mạnh hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết, tập trung vào hoạt động kinh doanh nguồn nên hoạt động tự doanh vẫn bảo đảm được hiệu quả đồng vốn. Hoạt động môi giới chứng khoán được định hướng theo mục tiêu quản trị rủi ro, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật nên không thực sự lôi kéo được các nhà đầu tư cá nhân lớn trên thị trường, tuy nhiên do tập trung tìm kiếm các khách hàng tổ chức lớn nên hoạt động môi giới chứng khoán dù không đạt mức kế hoạch nhưng đã có sự gia tăng mạnh mẽ, doanh thu phí môi giới đạt trên 37,5 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2011, nằm trong top 10 các công ty chiếm thị phần môi giới lớn nhất trên thị trường với thị phần chung là 2,7%. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp không đạt kế hoạch do khó khăn trong hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu nhưng cả năm vẫn đạt trên 14 tỷ đồng phí tư vấn tài chính doanh nghiệp. Công tác quản trị rủi ro được tăng cường từ khâu soạn thảo và ban hành quy trình quy chế đến giám sát thực hiện nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp nhưng hoạt động của Công ty vẫn diễn ra an toàn. Kết thúc năm 2012 công ty đạt gần 96 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, nằm trong top 5 các Công ty Chứng khoán kinh doanh có lãi trên thị trường, đạt 111,62 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2012

				Đơn vị: tỷ đồng
TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện/kế hoạch (%)
I	Tổng doanh thu	164,3	175,7	106,9
1	Doanh thu môi giới	47,0	37,5	79,8
2	Doanh thu từ hoạt động lưu ký	2,5	4,4	176,7
3	Doanh thu từ hoạt động tự doanh (lãi kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu; cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi trái phiếu)	77,5	66,4	85,7
4	Phí bảo lãnh phát hành	9,0	0,25	2,8
5	Phí tư vấn tài chính doanh nghiệp	18,3	14,3	78,3
6	Doanh thu khác	10,0	52,8	520,8
II	Chi phí	78,3	79,7	101,8
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	45,0	46,1	102,5
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,3	33,6	100,8
III	Lợi nhuận trước thuế	86,0	96,0	111,6

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2012

2. Tình hình tài chính

Biến động tài sản trong năm 2012

- Năm 2012 tình hình tài sản của công ty không có biến động bất thường. Tổng tài sản đầu kỳ là 1.484 tỷ trong đó tài sản dài hạn là 247 tỷ và tài sản ngắn hạn là 1.237 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ là 1.093 tỷ đồng trong đó Tài sản dài hạn là 257 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn là 836 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ có sự sụt giảm 391 tỷ đồng chủ yếu do khoản vay ứng trước tiền bán chứng khoán 440 tỷ đồng của khách hàng từ Chi nhánh Ngân hàng Công thương Thanh xuân từ ngày 31/12/2011 và được khách hàng trả vào ngày 04/01/2012.
- Trong năm 2012 Công ty đã sử dụng và khai thác tài sản khá hiệu quả, không phát sinh các tài sản xấu cũng như các khoản nợ xấu khó đòi.

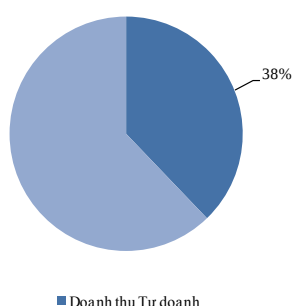
Tình hình nợ phải trả

Trong kỳ không phát sinh các khoản nợ, phải trả bất thường. Tình hình tài chính lành mạnh và Công ty đủ năng lực để thanh toán các khoản nợ.

3. Đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách về quản lý và hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh

Tỉ trọng doanh thu tự doanh trên tổng doanh thu



(i) Hoạt động tự doanh

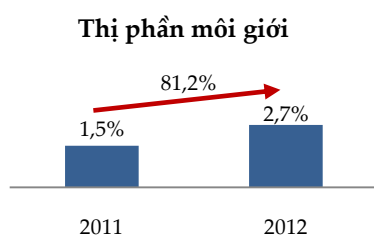
- Dự báo thị trường sẽ diễn biến phức tạp nên Công ty đã chủ động điều chỉnh hoạt động tự doanh, chỉ tham gia đầu tư cổ phiếu niêm yết với khối lượng thấp so với vốn chủ sở hữu nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp nhưng Công ty vẫn đạt hiệu quả từ hoạt động đầu tư cổ phiếu niêm yết. Danh mục đầu tư của Công ty được phân bổ cân trọng và tập trung vào các hoạt động kinh doanh Nguồn vốn và một số trái phiếu cùng với ngân hàng mẹ. Chỉ tiêu doanh thu của hoạt động tự doanh của công ty không đạt kế hoạch do Công ty tăng tỷ trọng tiền gửi dẫn đến thu từ hoạt động tự doanh giảm nhưng thu từ lãi tiền gửi tăng mạnh so với kế hoạch đề ra. Về tổng thể nếu tính cả doanh thu từ lãi tiền gửi

thì hoạt động tự doanh đã vượt chỉ tiêu doanh thu kế hoạch năm 2012.

(ii) Hoạt động Bảo lãnh phát hành

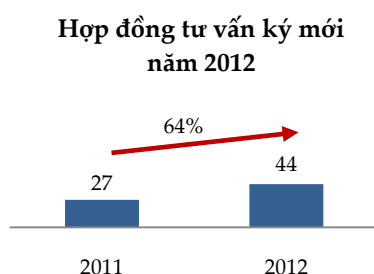
- Hoạt động bảo lãnh phát hành chỉ đạt trên 250 triệu đồng doanh thu bằng 2,8% kế hoạch giao. Nguyên nhân là năm 2012 hoạt động phát hành rất khó khăn, suy giảm mạnh cả về phát hành cổ phiếu lẫn trái phiếu. Mặt khác việc bảo lãnh phát hành của Công ty dựa nhiều vào hoạt động đầu tư của Ngân hàng mẹ nên khi Ngân hàng mẹ giảm đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của hoạt động này.

(iii) Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán



- Do thị trường suy giảm mạnh nên hoạt động môi giới của công ty bị ảnh hưởng, doanh thu phí môi giới chỉ đạt khoảng 37,5 tỷ bằng khoảng 79,8% kế hoạch giao. Tuy nhiên so với kết quả năm 2011 thì tăng trưởng trên 60%. **Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh về thị phần hoạt động môi giới khi đạt 2,7% so với mức 1,49% của năm 2011 tương đương với mức tăng gần 81,2%.** Số lượng tài khoản tăng thêm trong năm 2012 là 5210 tài khoản và đạt số lượng tài khoản là 51.518 tài khoản tại ngày 31/12/2012. Quản trị rủi ro tốt đối với hoạt động môi giới chứng khoán nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp, nhiều công ty chứng khoán bị tổn thất lớn từ hoạt động cho vay nhưng hoạt động môi giới của Công ty vẫn diễn ra an toàn.

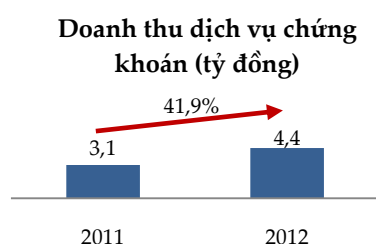
(iv) Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp



- Cũng như các hoạt động kinh doanh khác, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng bị suy giảm nghiêm trọng do những khó khăn về thị trường. Trước hết là hoạt động phát hành trên thị trường năm 2012 giảm 42% so với năm 2011, do vậy rất ít khách hàng sử dụng dịch vụ này. Hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp cũng bị ngưng trệ do nhiều nguyên nhân từ các vướng mắc trong chính sách cổ phần hóa đến khó khăn trong việc bán cổ phần. Hoạt động tư vấn niêm yết cũng tương tự do sự suy giảm của thị trường niêm yết đã không khuyến khích các Công ty đưa cổ phiếu lên niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Đặc biệt hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu bị suy giảm mạnh do tình hoạt động của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nợ xấu tăng cao. Tuy

vậy, trong năm Công ty cũng đã cố gắng tập trung nhân lực để tìm kiếm các hợp đồng tư vấn tài chính doanh nghiệp, kết quả là đã ký được 44 hợp đồng với doanh thu thực hiện đạt gần 14,33 tỷ đồng, đứng trong TOP 5 trên thị trường về cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty được thị trường đánh giá cao về chất lượng và tính chuyên nghiệp như hoạt động tư vấn bán đấu giá cổ phần cổ phần nhà nước do SCIC nắm giữ, tư vấn phát hành ...

(v) Hoạt động dịch vụ chứng khoán



- Các hoạt động dịch vụ chứng khoán như cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông trong năm 2012 được tiếp tục triển khai an toàn và hiệu quả. Hoạt động lưu ký đã mang lại doanh thu trên 4 tỷ đồng, chất lượng cung cấp dịch vụ được bảo đảm, quản lý tốt và không để xảy ra bất kỳ một nhầm lẫn, tổn thất nào. Sản phẩm cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty được thiết kế an toàn, quản lý, giám sát tốt nên không xảy ra tổn thất như nhiều thành viên khác trên thị trường.

Hoạt động hỗ trợ và quản trị rủi ro

(i) Hoạt động nghiên cứu phân tích

- Nghiên cứu phân tích là hoạt động hỗ trợ thiết thực cho nghiệp vụ tự doanh chứng khoán cũng như Môi giới chứng khoán của Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các nhận định thị trường. Trong năm 2012 công ty đã từng bước củng cố bộ máy nhân sự, tăng cường chất lượng hoạt động tìm hiểu, nghiên cứu doanh nghiệp để nắm bắt thông tin nhằm đưa ra các khuyến cáo phù hợp cho nhà đầu tư và hoạt động tự doanh của Công ty. Với những bản tin, khuyến cáo trên cơ sở xem xét thị trường một cách cẩn trọng, đa chiều và kịp thời nên đã hạn chế rất nhiều rủi ro mất vốn cho nhà đầu tư và Công ty.

(ii) Công tác quản lý kế toán, tài chính.

- Hoạt động tài chính kế toán của công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty và các đơn vị thuộc công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận trong Công ty theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng đã làm tốt công tác tham mưu cho Tổng

giám đốc trong hoạt động tài chính góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn và hiệu quả. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ quy định, đơn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính. Quản lý tốt tiền vốn và tài sản Công ty.

(iii) Hoạt động Công nghệ thông tin

- Mạng công nghệ thông tin có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của công ty đặc biệt là trong giao dịch chứng khoán, thanh toán bù trừ. Trong năm 2012 bộ phận Công nghệ thông tin của Công ty đã quản lý và vận hành an toàn hệ thống, đảm bảo kết nối ổn định, liên tục với 2 Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký, phục vụ tốt hoạt động giao dịch của Công ty cũng như các nhà đầu tư. Trong năm 2012 Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đưa một số tiện ích vào phục vụ nhà đầu tư như các dịch vụ chuyển tiền, bán lô lẻ, thực hiện quyền trực tuyến được nhà đầu tư hoan nghênh. Nhờ những tiện ích gia tăng phục vụ nhà đầu tư từ xa qua internet và điện thoại nên tỷ lệ nhà đầu tư sử dụng dịch vụ từ xa tại Công ty đã chiếm 88% về số lệnh giao dịch và 97% về giá trị giao dịch, nhờ đó tiết kiệm được nhân công phục vụ và các chi phí khác, tăng năng suất lao động cho bộ phận môi giới chứng khoán.

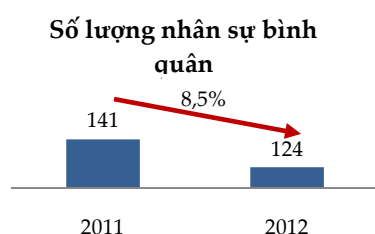
(iv) Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

- Công ty đã ban hành tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản trị nội bộ, thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định mới của luật pháp cũng như của Ngân hàng TMCP Công thương nên các nghiệp vụ của Công ty đều được quản trị một cách chặt chẽ, an toàn.
- Công tác Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại Công ty luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc quản trị rủi ro thông qua việc kiểm soát tuân thủ trong tất cả các hoạt động của Công ty, đặc biệt là các hoạt động nghiệp vụ và các hoạt động tài chính, mua sắm tài sản của Công ty. Bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ của Công ty đã thực hiện kiểm soát hoạt động các phòng nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, tư vấn tài chính doanh nghiệp, dịch vụ chứng khoán, kế toán tài chính, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện các sai sót của một số bộ

phận để Ban Điều hành chấn chỉnh kịp thời. Thông qua hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ những vấn đề có thể gây rủi ro được phát hiện góp phần vào việc điều chỉnh kịp thời các quy định, đảm bảo an toàn cho hoạt động nghiệp vụ.

(v) Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

- Xác định nhân sự là yếu tố quyết định thành công đối với Công ty nên năm 2012 Công ty đã cơ cấu lại nhân sự bổ sung thêm nhân sự Ban Điều hành, đổi mới thành viên Hội đồng Quản trị. Trong năm 2012, mặc dù thị trường có nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn giữ được lực lượng lao động, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động trong bối cảnh sa sút của thị trường.
- Cơ cấu lại tiền lương theo hướng tạo cơ chế tiền lương động lực để người lao động có kết quả tốt, có đóng góp nhiều cho Công ty phải được hưởng thu nhập cao hơn. Cắt giảm bớt các bộ phận không tạo ra thu nhập cho Công ty, dành nhân sự cho bộ phận tạo ra doanh thu. Trong năm, Công ty đã ban hành quy chế xếp bậc lương cho nhân viên môi giới chứng khoán, bổ sung điều chỉnh quy chế lương nhân viên phát triển thị trường tạo động lực cạnh tranh cho nhóm nhân viên này và đang nghiên cứu để ban hành tiếp quy chế lương cho các nhóm nhân viên kinh doanh khác nhằm từng bước tạo cơ chế động lực cho người lao động và thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường về làm việc tại Công ty.



4. Kế hoạch kinh doanh năm 2013

Kế hoạch kinh doanh 2013

- Dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2013 khi các tổ chức như WB và IMF lần lượt hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế chỉ còn 2,3 đến 2,4% . Kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục gặp phải những khó khăn như nợ xấu, hàng tồn kho đặc biệt là tồn kho bất động sản. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến hết sức khó lường và độ rủi ro trong hoạt động đầu tư sẽ rất cao. Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013 là tiếp tục chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí, hoạt động đầu tư chứng khoán sẽ được tiến hành một cách cẩn trọng với mục tiêu là đảm bảo an toàn đồng vốn nhưng sẽ bám

sát thị trường để tìm kiếm các cơ hội đầu tư nhằm tạo đột phá và doanh thu cho hoạt động tự doanh.

- Mục tiêu của năm 2013 của công ty là tăng trưởng tối thiểu 20% các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận so với năm 2012.

Thay mặt lãnh đạo Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến quý nhà Đầu tư đã đồng hành, chia sẻ và hợp tác với Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam trong thời gian qua và mong muốn được tiếp tục đồng hành và chia sẻ thành công cùng quý vị. Kính chúc quý vị năm mới Quý Ty, hạnh phúc, thành công, an khang và thịnh vượng.

Trân trọng!

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc

ĐỖ LINH PHƯƠNG

Trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn và thử thách này, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết định có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn, đạt được mục tiêu đã đề ra. Kết quả năm 2012 đạt lợi nhuận trước thuế là **96 tỷ đồng** lợi nhuận trước thuế, nằm trong **TOP 5** các Công ty Chứng khoán niêm yết kinh doanh có lãi trên thị trường.

2012

Những thay đổi chủ yếu

- Năm 2012, **VietinBankSc đã tái cơ cấu mạnh mẽ danh mục đầu tư tự doanh** bằng việc giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết với khối lượng thấp với giá trị đầu tư không quá 10% vốn chủ sở hữu để bảo toàn nguồn vốn.
- Năm 2012 **đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động môi giới chứng khoán** khi năm 2012, thị phần môi giới đã có bước tăng mạnh, đạt **2.7%** tổng giá trị giao dịch của 2 sàn, quý IV/2012 đứng vị trí thứ 2 tại sàn Hà Nội, doanh thu đạt 37.5 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2011. Trong năm Công ty đã phát triển thêm 5000 tài khoản, đưa tổng số tài khoản của Nhà Đầu tư tại Công ty lên trên **51.000** tài khoản
- Năm 2012 **đánh dấu sự thành công của VietinBankSc trong hoạt động quản trị rủi ro**. VietinBankSc đã thực hiện quản trị rủi ro tốt đối với mọi hoạt động của Công ty nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp, nhiều công ty chứng khoán bị tổn thất lớn từ hoạt động đầu tư với khách hàng nhưng các hoạt động kinh doanh của VietinBankSc vẫn diễn ra an toàn và hiệu quả.
- Năm 2012, Công ty **tiếp tục cơ cấu lại nhân sự chủ chốt**, bổ sung thêm nhân sự Ban Điều hành, thành viên Hội đồng Quản trị.
- Năm 2012, Công ty đã đưa vào **vận hành thành công các tiện ích hỗ trợ nhà đầu tư** như các dịch vụ chuyển tiền, bán lẻ, thực hiện quyền trực tuyến nên tỷ lệ giao dịch điện tử bao gồm giao dịch qua internet và qua điện thoại đạt 87% về số lệnh giao dịch và 97% về giá trị giao dịch.

- **Đối với hoạt động môi giới**

Tập trung phát triển thị phần môi giới của Công ty theo hai hướng. Một mặt phát triển mạng lưới giao dịch của Công ty, đẩy mạnh thị phần tại các thị trường tiềm năng. Mặt khác đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư. Áp dụng cơ chế lương theo doanh thu cho nhân viên Môi giới và nhân viên phát triển thị trường nhằm tạo đột phá trong chính sách để lôi kéo các nhà đầu tư tiềm năng về giao dịch tại Công ty. Dành nguồn lực thích đáng cho vay giao dịch ký quỹ để đẩy mạnh dịch vụ môi giới chứng khoán. Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro đối với hoạt động này.

- **Đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp**

Tận dụng lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty sẽ cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng từ tư vấn tài chính, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, thu xếp vốn đến việc tư vấn phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp, đặc biệt là tập trung đối với hoạt động tư vấn M&A vốn được xem là một xu thế tất yếu trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động như hiện nay. Công ty sẽ tập trung phối hợp thực hiện nghiệp vụ này phục vụ cho nhu cầu của ngân hàng mẹ sau đó triển khai cung cấp dịch vụ ra thị trường.

- **Đối với hoạt động tự doanh**

Tiếp tục tái cấu trúc lại tài sản đầu tư của Công ty, tăng quy mô tổng tài sản bằng các giải pháp thích hợp, phân đầu tăng tổng tài sản lên khoảng 1200 tỷ đồng để tăng quy mô hoạt động của Công ty, tương xứng với lợi thế của một Công ty thành viên của một định chế tài chính lớn. Do thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro nên Công ty tiếp tục định hướng kinh doanh phải có lãi nhưng cần đảm bảo bảo toàn đồng vốn của Công ty và của Nhà Đầu tư không ngừng theo dõi diễn biến của thị trường để kịp thời nắm bắt các cơ hội đầu tư với kỳ vọng gia tăng lợi nhuận từ các khoản đầu tư cổ phiếu trên thị trường niêm yết.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành có 3 thành viên là bà **Đỗ Thị Thủy** – Chủ tịch HĐQT, ông **Vũ Trung Thành** - Ủy viên HĐQT và bà **Phạm Thị Thanh Hoài** - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị gồm có 3 thành viên độc lập không điều hành đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành.

Thay đổi HĐQT

Năm 2012 của Công ty Chứng khoán Công Thương đã thông qua những sự thay đổi nhân sự sau trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Thông qua việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Nguyễn Thọ Phùng và cử bổ sung ông Bạch Nguyễn Vũ làm thành viên Hội đồng Quản trị thay thế kể từ ngày 15/11/2012.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VietinBankSc có 5 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Bà **Đỗ Thị Thủy** – Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Vũ Trung Thành** – Ủy viên HĐQT
3. Ông **Đỗ Linh Phương** – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
4. Ông **Bạch Nguyễn Vũ** – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
5. Bà **Phạm Thị Thanh Hoài** – Ủy viên HĐQT



Bà ĐỖ THỊ THỦY
Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1960

Bà Thủy là tiến sỹ kinh tế, chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với hơn 28 năm kinh nghiệm. Bà từng tham gia nghiên cứu ở Hà Lan, Nga, Anh... và từng là giảng viên Học viện Ngân hàng Hà Nội.

Hiện nay bà đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị VietinBankSc đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.



Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Tổng giám đốc

Năm sinh: 1981

Ông Phương đã có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính. Tại VietinBankSc, ông đã tham gia đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng Phòng Tự doanh & Bảo lãnh phát hành và Phó Tổng Giám đốc.

Ông là cử nhân kinh tế đối ngoại Đại học Ngoại thương



Ông VŨ TRUNG THÀNH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1981

Ông Thành với nhiều năm học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Sau khi về nước, ông đã làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank với nhiều vị trí quản lý quan trọng. Ông từng giữ chức vụ Tổng Giám đốc VietinBankSc.

Hiện nay, ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa.

Ông Thành là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Hull - Anh Quốc



Bà **PHẠM THỊ THANH HOÀI**

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978

Bà Hoài tham gia lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhiều năm ở trong và ngoài nước. Trước khi đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT VietinBankSc, bà Hoài giữ vị trí Phó phòng Chế độ Tín dụng và Đầu tư Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Hiện nay, bà Hoài đảm nhiệm chức Phó Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính, ĐH Warwick – Anh Quốc



Ông **BẠCH NGUYỄN VŨ**

Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1977

Ông Vũ là một trong số những người tham gia Thị trường Chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000), Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTCK Hapaco.

Ông là thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị hàng tháng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị công ty và những phát sinh đột xuất.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT-CKCT01	12/01/2012	Giao nhiệm vụ Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Linh Phương
2	06/ QĐ - HĐQT-CKCT01	16/02/2012	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Linh Phương
3	10/QĐ - HĐQT-CKCT	14/03/2012	Tuyển dụng và bổ nhiệm ông Bạch Nguyễn Vũ – giữ chức Phó Tổng Giám đốc
4	17/ QĐ - HĐQT-CKCT	31/05/2012	Thôi giữ chức Phó Giám đốc- Phụ trách chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh của ông Huỳnh Minh Trí
5	18/ QĐ-HĐQT-CKCT	01/06/2012	Tuyển dụng và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hà Phương giữ chức Phó Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
6	19/ QĐ - HĐQT-CKCT	01/06/2012	Giao nhiệm vụ phụ trách chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Hà Phương
7	03/2012/NĐ/HĐQT - CKCT	29/06/2012	Đóng cửa phòng giao dịch Thái Thịnh
8	04/2012/NQ/HĐQT – CKCT	03/07/2012	Đổi tên và chuyển địa điểm phòng giao dịch Phan Đăng Lưu sang phòng giao dịch Cao Thắng tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
9	33/QĐ – HĐQT – CKCT01	14/11/2012	Thôi giữ chức Ủy viên HĐQT của ông Nguyễn Thọ Phùng
10	34/ QĐ – HĐQT – CKCT01	14/11/2012	Bổ nhiệm ông Bạch Nguyễn Vũ giữ chức Ủy viên HĐQT
11	06/NQ – HĐQT – CKCT	27/11/2012	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2012

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo Tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty.



Bà **NGUYỄN THÚY HÀ**
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



Ông **ĐINH HUY KIÊN**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kiểm soát



Bà **NGUYỄN THỊ THU HIỀN**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2012

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty, trong năm 2012 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Duy trì bộ máy tổ chức làm việc hiệu quả với 03 thành viên;
- Tổ chức họp 02 kỳ vào đầu năm và cuối năm để kiểm điểm, đánh giá triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao. Hàng tháng tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát để thông báo tình hình hoạt động kinh doanh Công ty và lên kế hoạch chi tiết công việc trong tháng.
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, hàng quý; phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban Kiểm soát theo các chức năng đã được quy định.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;
- Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; qui trình, qui chế và các qui định nội bộ của Công ty. Giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung qui trình qui chế của Công ty.
- Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh; trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Chỉ đạo bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty. Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

Giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ hàng tháng để xây dựng kế hoạch hoạt động công tác tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng Quản trị đã ban hành các qui chế, qui định, qui trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng qui định Điều lệ Công ty; sửa đổi và bổ sung kịp thời một số qui định quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Với nhận định trong năm 2012 nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã có những bước đi phù hợp. Nhờ đó, Công ty không những tránh tổn thất do còn thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông và NHCT VN giao và luôn duy trì được các tỷ lệ bảo đảm an toàn tài chính;
- Các hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012 về cơ bản được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ, tuân thủ các qui định của nhà nước, qui trình qui chế của Công ty. Năm 2012, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đều được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ quy trình theo quy định của Công ty và theo pháp luật.

Soát xét báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2012 đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt kiểm toán. BKS thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động và tài chính báo cáo năm 2012 của công ty

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị

Hàng tháng, Ban Kiểm soát giám sát việc triển khai Nghị quyết Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, các khoản đầu tư, các công việc đã thực hiện/ chưa thực hiện, những khó khăn vướng mắc của Ban điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị. Từ đó có báo cáo đến Hội đồng quản trị để Ban điều hành tiếp tục điều chỉnh, đôn đốc chấn chỉnh các phòng ban, chi nhánh thực việc tuân thủ quy chế, cơ chế. Thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đã góp phần đôn đốc thực hiện, nắm bắt và phản ánh kịp thời các vướng mắc trong quá trình các đơn vị triển khai Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Giám sát việc ban hành, sửa đổi hệ thống cơ chế, quy chế, quy định, quy trình

Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn xác định việc hoàn thiện, bổ sung qui trình nghiệp vụ và cập nhật các cơ chế chính sách mới là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các qui định của pháp luật. Trong năm 2012, Công ty

đã bổ sung hoàn thiện: Sửa đổi Qui chế quản lý tài chính; ban hành Qui định về phân quyền các phần mềm; Qui trình nghiệp vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng; Qui trình nghiệp vụ tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa; Qui chế chi trả tiền lương cho nhân viên phát triển thị trường; Qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Qui trình giao dịch với khách hàng trên hệ thống SBA; qui định cung cấp và thực hiện giao dịch điện tử; Qui chế xác định bậc lương kinh doanh cho nhân viên môi giới.

Chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ là một bộ phận không tách rời của hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo Công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả và bền vững.

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát cùng với Phòng KTKSNB đã kiểm tra toàn diện hoạt động của 2 Chi nhánh và các Phòng ban nghiệp vụ tại Trụ chính Công ty. Qua đó, đã phản ánh kịp thời các sai sót trong quá trình tác nghiệp. Nhờ vậy, công tác quản trị rủi ro ngày càng được các Phòng ban, Chi nhánh chú trọng, các bước thực hiện bài bản, nề nếp hơn giúp nâng cao hiệu quả tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong quá trình ra quyết định chỉ đạo, điều hành đảm bảo bám sát thực tế, an toàn cho hệ thống.

Kiến nghị

Ban Kiểm soát có một số kiến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty như sau:

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua đó để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới và nâng cao quản trị của Công ty;
- Lựa chọn thời điểm và cơ hội thích hợp để mở rộng quy mô tài sản nếu có dự án khả thi hoặc các cơ hội đầu tư. Xem xét khả năng tăng vốn thông qua việc phát hành chứng khoán.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nghiệp các mặt nghiệp vụ, phát huy thế mạnh mạng lưới Chi nhánh NHCT và hệ thống khách hàng của NHCT VN trên cả nước để tìm kiếm các hợp đồng đầu tư, hợp đồng tư vấn có giá trị. Tìm kiếm các cơ hội bán chéo sản phẩm với NHCT VN và các Chi nhánh
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, làm nền tảng phát triển sản phẩm dịch vụ có tính cạnh tranh. Đồng thời, áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị rủi ro góp phần nâng cao hiệu quả quản trị điều hành của Công ty.

Thù lao Hội đồng quản trị

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị. Theo Nghị Quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua ngày 25 tháng 3 năm 2012, mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2012 bằng 2,5% lợi nhuận sau thuế năm 2012 cho phần lợi nhuận trong kế hoạch, trường hợp vượt chỉ tiêu lợi nhuận thì được thưởng thêm 4,0% trên tổng số lợi nhuận vượt mức và Hội đồng Quản trị quyết định việc phân phối thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2012, số tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị như sau:

Đơn vị: triệu đồng	
Nội dung	Số tiền
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2012	72.740
2. Trích thù lao Hội đồng Quản trị	1.481

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 05 tháng 01 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		835.855	1.237.099
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	264.334	1.103.933
1. Tiền	111		182.834	587.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.500	516.500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		450.278	109.320
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	456.762	123.830
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ^(*)	129		(6.484)	(14.509)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	120.457	22.423
1. Phải thu của khách hàng	131		2.295	640
2. Trả trước cho người bán	132		1.481	1.929
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		92.566	2.046
5. Các khoản phải thu khác	138		24.114	17.808
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ^(*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		41	25
1. Hàng tồn kho	141	V.02	41	25
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ^(*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		746	1.398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		732	1.354
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14	44

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012) (tiếp theo)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2012	01/01/2012
B. Tài sản dài hạn	200		257.555	247.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.805	14.547
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	4.369	8.062
- Nguyên giá	222		24.621	24.882
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.252)	(16.820))
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	4.436	6.485
- Nguyên giá	228		13.852	12.641
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.415)	(6.156)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	229.219	212.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		229.219	212.400
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		229.219	212.400
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.531	20.808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	12.105	14.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	7.426	6.429
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng tài sản	270		1.093.410	1.484.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012) (tiếp theo)*

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		202.908	612.947
I. Nợ ngắn hạn	310		199.657	609.243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		898	2.319
3. Người mua trả tiền trước	313		515	442
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	5.003	9.413
5. Phải trả người lao động	315		10.966	10.126
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.062	1.324
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	139.795	580.434
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		37.261	893
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.261	2.055
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.897	2.236
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.251	3.704
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		3.251	3.704
B. Vốn chủ sở hữu	400		890.502	871.907
I. Vốn chủ sở hữu	410		890.502	871.907
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.280	4.085
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.989)	(8.989)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.280	4.085
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93.078	80.873
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Tổng nguồn vốn	440		1.093.410	1.484.855

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980	19.980
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	300.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	4.604.596	4.349.096
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.396.643	3.875.371
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	19.202	69.673
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.375.317	3.803.535
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.125	2.163
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	43.574	154.938
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước	014	43.574	154.938
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	10.112	48.378
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	10.112	48.378
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	140.057	258.747
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	401
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	140.057	258.346
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	12.900	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	034	12.900	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.310	11.662
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	0,07
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.310	11.662
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	334	567
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	334	567
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	334	567
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khác hàng	082	22	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	169.108	209.648

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2012	2011
Doanh thu	01		175.699	188.021
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		37.504	22.295
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		66.428	78.012
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		250	5.660
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		14.334	17.526
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.417	3.120
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	13
Doanh thu khác	01.9		52.765	61.395
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	38
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		175.699	187.983
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		46.144	69.205
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		129.554	118.778
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.579	36.796
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		95.975	81.981
Thu nhập khác	31		27	59.778
Chi phí khác	32		50	58.876
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(23)	902
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		95.952	82.883
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	23.212	18.990
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		72.740	63.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		936	813

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2012 (Phương pháp gián tiếp)

			Đơn vị: triệu đồng	
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.952	82.883
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		7.167	7.980
Các khoản dự phòng	03		(8.025)	8.045
Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(103.600)	(105.643)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.506)	(6.735)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(85.871)	311.804
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(16)	803
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(406.340)	394.341
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.897	2.107
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(27.066)	(14.268)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		243	241
Tiền chi khác từ hoạt động kinh Doanh	16		(8.692)	(6.233)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(533.411)	682.060

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Chỉ tiêu		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
				2012	2011
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.425)	(1.561)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		22	459
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(601.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		165.000	9.786
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(41.568)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		76.078	105.059
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.750	124.532
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		30		(259.575)	196.706
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(8.989)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.859	20.735
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.859)	(20.735)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.613)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		40		(46.613)	(8.989)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50		(839.599)	869.777
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60		1.103.933	234.156
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm		70		264.334	1.103.933

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

(từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934	789.934	-	-	-	-	789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920	1.920	-	-	-	-	1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.003	4.085	1.082	-	3.195	-	4.085	7.280
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(8.989)	(8.989)	-	-	-	(8.989)	(8.989)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		3.003	4.085	1.082	-	3.195	-	4.085	7.280
9. Các Quỹ khác thuộc VCSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII.03	23.193	80.873	63.893	(6.214)	72.740	(60.535)	80.873	93.078
Cộng		821.053	871.907	57.068	(6.214)	79.129	(60.535)	871.907	890.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo Tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị công tác	:	3 - 5 năm
Máy móc thiết bị động lực	:	7 năm
Phương tiện vận tải	:	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	:	3 - 5 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

3.2. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

4. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua bán theo cam kết mua lại tại một thời điểm xác định trong tương lai không phải ghi giảm tài sản trên Bảng cân đối kế toán. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản phải trả trên bản cân đối kế toán. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng.

Ngược lại, những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi tăng trên khoản mục đầu tư thuộc tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản phải thu và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch đã phân bổ sẽ được ghi giảm vào khoản mục thu nhập khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành thêm để lại cho Công ty Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

7.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

7.2. Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

7.3. Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

7.4. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

7.5. Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	64	133
Tiền gửi ngân hàng	181.510	585.641
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	137.329	577.037
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	1.260	1.659
Trong đó:		
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	806	301
TGNH có kỳ hạn không quá 3 tháng	81.500	516.500
Cộng	264.334	1.103.933

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6	-
Công cụ, dụng cụ	35	25
Cộng	41	25

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giao dịch thực hiện trong năm	
	Khối lượng	Giá trị
Của công ty chứng khoán	30.306.146	488.919
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	29.706.146	425.201
- Trái phiếu	600.000	63.717
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	1.029.184.170	17.641.840
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.028.674.170	17.584.229
- Trái phiếu	510.000	57.611
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	1.059.490.316	18.130.759

4. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	Tăng	Giảm	31/12/2012	31/12/2011
I. Đầu tư ngắn hạn	1.964.393	3.998.840	456.762	123.830	6	161	6.484	14.509
1. Cổ phiếu	462.393	1.698.840	5.537	25.409	6	161	109	6.934
Cổ phiếu niêm yết	19.975	1.217.345	274	19.524	6	2	108	6.934
MBB Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	1.060.008	-	17.901	-	-	-	6.453
PXS CTCP kết cấu KL và LM Dầu khí	-	148.550	-	1.426	-	-	-	372
CLP CTCP Thủy sản Cửu Long	10.993	-	119	-	-	40	-	-
Các cổ phiếu khác	8.982	8.787	155	197	6	68	109	93
Cổ phiếu chưa niêm yết	444.418	481.495	5.263	5.885	-	159	1	-
BAEFOOD1 CTCP XNK Thủy sản BR-VT (*)	109.268	91.057	956	956	-	-	-	956
CTHBIJENI CTCP Chế tạo thiết bị điện (*)	42.477	42.477	419	419	-	-	-	419
SABECO CTCP Bía rượu nước giải khát SG	20.000	20.000	469	469	-	159	-	469
SUTHUYTIN CTCP Sứ thủy tinh cách điện (*)	28.783	28.783	288	288	-	-	-	288
TBPTDN CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng (*)	33.271	33.271	355	355	-	-	-	355
TSCLONG CTCP Thủy sản Cửu Long	-	36.973	-	400	-	-	-	400
VDIPHA CTCP Dệt phẩm Trung ương VIDIPHA (*)	28.800	24.000	564	564	-	-	-	564
VIETIEN TCTCP May Việt Tiến (*)	126.500	126.500	1.596	1.596	-	-	-	1.596
VINAPLASTI CTCP Nhựa Việt Nam (*)	20.000	20.000	210	210	-	-	-	210
BELCO CTCP BELCO (*)	20.000	20.000	240	240	-	-	-	240
EMC CTCP Cơ Điện Thủ Đức (*)	-	23.400	-	226	-	-	-	226
NHQ10 CTCP Nhà Quận 10 (*)	15.000	15.000	157	157	-	-	-	157
Các cổ phiếu khác (*)	319	34	9	4	-	1	-	7

Đơn vị: triệu đồng

4. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trước		Tăng		Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2011
2. Trái phiếu											
Trái phiếu chính phủ bảo lãnh phát hành (CP4A5003) (**)	-	800.000	-	83.196	-	-	-	-	-	-	83.196
Trái phiếu kho bạc nhà nước kỳ hạn 5 năm (CPB71234)	-	40.000	-	4.002	-	-	-	-	-	-	4.002
Trái phiếu AGRIBANK kỳ hạn 15 năm (***)	-	500.000	-	53.584	-	-	-	-	-	-	53.584
3. Chứng chỉ quỹ niêm yết											
VFMVFA Chứng chỉ quỹ đầu tư Năng động Việt Nam	1.500.000	1.500.000	15.225	15.225	-	-	6.375	7.575	6.375	8.850	7.650
4. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (***)											
II. Chứng khoán đầu tư											
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán											
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	2.040.100	1.904.100	229.219	212.400	-	-	-	-	-	229.219	212.400
THACO CTCP Trường Hải ThaCo	1.500.000	1.500.000	72.000	72.000	-	-	-	-	-	72.000	72.000
+ Trái phiếu Công ty	540.100	404.100	157.219	140.400	-	-	-	-	-	157.219	140.400
Trái phiếu AGRIBANK kỳ hạn 15 năm (**)	500.000	-	53.217	-	-	-	-	-	-	53.217	-
Trái phiếu chính phủ bảo lãnh phát hành (CP4A5003) (**)	40.000	-	4.002	-	-	-	-	-	-	4.002	-
Trái phiếu SHI082010	404.000	-	40.400	-	-	-	-	-	-	-	40.400
Trái phiếu Singroup	100	100	100.000	100.000	-	-	-	-	-	100.000	100.000

(*): Là những cổ phiếu chưa niêm yết không thể thu thập được giá thị trường nên xác định bằng giá trị sổ sách

(**): Theo Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thống nhất chuyển 500.000 trái phiếu Agribank và 40.000 trái phiếu CP4A5003 từ "Đầu tư ngắn hạn" sang "Đầu tư chứng khoán dài hạn" do thay đổi mục đích nắm giữ.

(***) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng theo thỏa thuận Công ty có thể rút trước hạn bất cứ thời điểm nào.

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tổng
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	206	17.252	4.577	2.848	24.882
Mua trong kỳ	-	89	-	126	215
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(118)	-	(359)	476
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	206	17.224	4.577	2.615	24.621
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	206	12.127	2.488	2.000	16.820
Số khấu hao trong kỳ	-	2.837	593	478	3.908
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(118)	-	(359)	(476)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	206	14.847	3.081	2.119	20.252
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	5.125	2.089	848	8.062
Tại ngày cuối kỳ	-	2.377	1.496	496	4.369

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 11.131 triệu đồng

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình				
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền phát hành</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	12.641	12.641
Mua trong kỳ	-	-	-	1.210	1.210
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	13.852	13.852
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	6.156	6.156
Số khấu hao trong kỳ	-	-	-	3.259	3.259
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	9.415	9.415
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	6.485	6.485
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	4.436	4.436

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí trả trước dài hạn	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh xác định để cổ phần hóa	11.797	13.611
Chi phí trả trước dài hạn khác	309	768
Cộng	12.105	14.379

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị gia tăng	209	60
Tiêu thụ đặc biệt	-	-
Xuất, nhập khẩu	-	-
Thu nhập doanh nghiệp	4.259	8.113
Thu nhập cá nhân	535	1.241
Tài nguyên	-	-
Nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	5.003	9.413

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Đơn vị: triệu đồng

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Năm	
	2012	2011
Tiền nộp ban đầu	3.154	3.154
Tiền nộp bổ sung	3.019	2.618
Tiền lãi phân bổ	1.252	657
Số cuối kỳ	7.426	6.429

11. Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012				
	Số đầu kỳ	Số phát sinh		Số cuối kỳ	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
1. Phải thu của khách hàng	640	15.085	13.431	2.295	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.046	564.839	474.319	92.566	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	435	253.358	253.794	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	1.611	311.481	220.525	92.566	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	725	725	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	19.737	1.048.123	1.042.265	25.595	-
- Trả trước tiền cho người bán	1.929	437	884	1.481	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	17.808	1.047.687	1.041.381	24.114	-
Tổng cộng	22.423	1.628.772	1.530.739	120.457	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp khác	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
2. Kinh phí công đoàn	78	340
3. Bảo hiểm xã hội	-	-
4. Bảo hiểm y tế	-	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	983	984
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Phải trả cổ tức CTS cho NĐT	27	18
- Phải trả khác	956	966
Cộng	1.062	1.324

17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả SGDCK	265	902
2. Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
3. Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	-
4. Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	231	181
5. Phải trả tổ chức, cá nhân khác	139.298	579.351
- Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	138.126	577.279
- Phải trả khác	1.172	2.072
Cộng	139.795	580.434

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2012	2011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	23.212	18.990
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.212	18.990

2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2012	2011
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	72.740	63.893
2. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông hiện hữu cổ phiếu phổ thông	72.740	63.893
3. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	77.703.400	78.632.080
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	936	813

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Ghi chú
Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

2. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm	
	2012	2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.993.400	78.993.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu phổ thông	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

3. Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm	
	2012	2011
- Trả cổ tức	46.622	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.195	1.082
- Quỹ dự phòng tài chính	3.195	1.082
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.207	3.616
- Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.316	433
Cộng	60.535	6.214

Đơn vị: triệu đồng

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền (triệu đồng)
Thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát năm 2011 và tạm ứng của năm 2012	1.481

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 75,6%.

Giao dịch với bên liên quan:

Các giao dịch chủ yếu trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

	Đơn vị: triệu đồng
Nội dung	Số tiền
Thu lãi tiền gửi	46.697
Chi hoa hồng môi giới	5.591

Số dư với bên liên quan:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

	Đơn vị: triệu đồng
Nội dung	Số tiền
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	178.168
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	517.500
Phải thu về lãi tiền gửi	18.123
Phải thu khác (phí tư vấn, phí lưu ký, khác)	6

7. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	37.504	66.678	14.334	4.417	52.765	175.699
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	35.756	18.487	6.318	3.571	15.592	79.724
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.748	48.191	8.016	847	37.173	95.975
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.260	55	12	54	43	1.425
Số dư cuối năm						
Tài sản bộ phận	14.139	693.532	4.273	754	380.649	1.093.347
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	64
Tổng tài sản	14.139	693.532	4.273	754	380.649	1.093.410
Nợ phải trả bộ phận	58.696	6.804	1.977	43.550	89.620	200.647
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	2.261
Tổng nợ phải trả	58.696	6.804	1.977	43.550	89.620	202.908

8. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị: triệu đồng			
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	456.762	123.830	450.284	109.481
Chứng khoán thương mại	20.762	123.830	14.284	109.481
- Cổ phiếu niêm yết	274	19.524	173	12.592
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	5.263	5.885	5.261	6.044
- Trái phiếu (*)	-	83.196	-	83.196
- Chứng chỉ quỹ	15.225	15.225	8.850	7.650
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	436.000	-	436.000	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	117.954	18.448	117.954	18.448
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	229.219	212.400	229.219	212.400
Chứng khoán sẵn sàng để bán	229.219	212.400	229.219	212.400
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	72.000	72.000	72.000	72.000
- Trái phiếu(*)	157.219	140.400	157.219	140.400
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.334	1.103.933	264.334	1.103.933
Cộng	1.068.269	1.458.611	1.061.790	1.444.262
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	139.795	580.434	139.795	580.434
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.062	1.324	1.062	1.324
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	37.261	893	37.261	893
Cộng	178.117	582.651	178.117	582.651

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

10. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình thuyết minh IV.1 trang 13. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

11. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ

để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.319	-	-	2.319
Phải trả người lao động	10.126	-	-	10.126
Các khoản phải trả khác	1.324	-	-	1.324
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	580.434	-	-	580.434
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	893	-	-	893
Cộng	595.096	-	-	595.096
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	898	-	-	898
Phải trả người lao động	10.966	-	-	10.966
Các khoản phải trả khác	1.062	-	-	1.062
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	139.795	-	-	139.795
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	37.261	-	-	37.261
Cộng	189.982	-	-	189.982

12. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

13. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng



Phan Hải Sâm

Tổng Giám đốc



Đỗ Linh Phương

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc

ĐỖ LINH PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính – Head Office

306 Bà Triệu – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3974 6900 – Fax: (84-4) 3974 7572

Chi nhánh TP.HCM – HCMC Branch

49 Tôn Thất Đạm – P.Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 9987 – Fax: (84-8) 3820 0921